

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST- HNGĐ ngày 31/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1998;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ nơi làm việc: Công ty CP dệt may Huế, chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, trụ sở tại khu công nghiệp C, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ nơi làm việc: Công ty CP dệt may Huế, chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, trụ sở tại khu công nghiệp C, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2021, bản tự khai ngày 15/6/2021 và ngày 17/8/2021 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/12/2016. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh H, sau đó vợ chồng làm nhà ở riêng trên đất bố mẹ của anh H. Vợ chồng sống với nhau được 4 năm nhưng hạnh phúc được khoảng 3 năm, thời gian hơn một năm gần đây vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung.

Nguyên nhân do anh H ngoại tình với người cùng công ty, về nhà gây gổ đánh đập chị, nhiều lần chị đã tha thứ bỏ qua, góp ý, khuyên can, mong rằng anh H khắc phục, thay đổi nhưng anh H không có biến chuyển, thay đổi gì nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mất mát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến ai nữa. Hiện tại chị N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N trình bày: Vợ, chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04/6/2017, trước đây con ở chung với vợ chồng, hiện nay con đang ở với chị N. Ly hôn, chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị N, mặc dù anh H đang làm ăn sinh sống tại địa phương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ cư trú và địa chỉ nơi làm việc tại huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì chị N và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/12/2016 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về mâu thuẫn: Theo trình bày của nguyên đơn chị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N và anh H không tìm được tiếng nói chung, anh H có quan hệ tình cảm

với người khác, chị N đã nhắc nhở, góp ý nhưng vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, mất mát, không thể hàn gắn được.

[2.3]. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H thực tế như chị N trình bày. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng có thể thông cảm, bỏ qua cho nhau cải thiện lại cuộc sống, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con nhưng anh H vẫn vắng mặt kể cả tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã thực hiện biện pháp tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Qua xác nhận của Công an xã T và Công ty CP dệt may thì anh H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình và đang công tác tại Công ty CP dệt may Huế, chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình. Chứng tỏ anh H cố tình không chấp hành giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, từ bỏ quyền lợi nghĩa vụ của mình, không có thiện chí hòa giải để bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị N nữa.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N, anh H được ly hôn nhau là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về con chung: Vợ, chồng có một con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04/6/2017, hiện nay con đang ở với chị N, ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của chị N là chính đáng, vì con chung còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, anh H là công nhân xí nghiệp may có thu nhập ổn định nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn anh H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N;

1. Xử cho chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn H được ly hôn nhau;

2. Giao con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 04/6/2017 cho chị Lê Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi con tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0001284 ngày 26/5/2021, anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/9/2021), bị đơn anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- UBND xã T Thủy (ĐKKH ngày 16/12/2016);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn